TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2022/DS-PT
Ngày 22 – 4 – 2022
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Mậu Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 298/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Minh Y, sinh năm 1945; địa chỉ: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(có mặt);*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y: Ông Phạm Thanh Đ – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư TĐ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt).*

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị M (tên nước ngoài: H.T), sinh năm 1985; địa chỉ tạm trú: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Số 1398, K., Shinan-gun, Cheouannamdo, Korea, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/8/2019): Ông Phạm Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, *(có mặt);*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Võ Thị R, sinh năm 1945; địa chỉ: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt).*

2. Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt).*

3. Bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt).*

4. Bà Huỳnh Thị Ng1, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt)*.

5. Ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của của các ông, bà Võ Thị R, Huỳnh Văn Th, Huỳnh Thị Ng, Huỳnh Thị Ng1 (theo Giấy ủy quyền ngày 09/9/2019): Ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt)*.

6. Bà Trần Thị Ch1, sinh năm 1947; địa chỉ: Ấp LK, xã GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt)*.

7. Bà Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp LK, xã GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, *(vắng mặt).*

8. Bà Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp TL, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, *(vắng mặt);*

9. Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp LK, xã GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, *(vắng mặt)*.

10. Bà Huỳnh Thị Kim Th1, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt)*.

11. Ông Huỳnh Minh L**,** sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp LK, xã GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt)*.

12. Ông Huỳnh Minh Ph, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp LK, xã GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, *(ông Ph là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi);*

Người giám hộ của ông Ph: Bà Trần Thị Ch1, sinh năm 1947; địa chỉ: Ấp LK, xã GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Trần Thị Ch1, Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim Th1 (theo Giấy ủy quyền ngày 09/9/2019): Ông Huỳnh Minh L, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 2, ấp LK, xã GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt)*.

13. Ông Nguyễn Thái Ph1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 322/42, ấp CT, xã HKTA, huyện MCB, tỉnh Bến Tre, *(vắng mặt)*.

14. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 17, ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(xin vắng mặt)*.

15. Bà Huỳnh Thị Kim V, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp SCB, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(có mặt)*.

16. Ông Đoàn Quốc C, sinh năm 1955, *(có mặt);*

17 Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: Ấp TS, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, *(có mặt)*.

18. Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1969, *(có mặt);*

19. Bà Nguyễn Thị Ph2, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Số 2, Tổ 1, ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(có mặt).*

20. Ông Vũ Minh T1, sinh năm 1989, *(xin vắng mặt);*

21. Bà Lục Thị Th2, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Số 1405, Đại lộ BD, phường HA, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, *(vắng mặt);*

Bà Lục Thị Th2 ủy quyền đại diện tham gia tố tụng cho ông Vũ Minh T1 (theo Giấy ủy quyền ngày 06/11/2020);

22. Ông Huỳnh Thanh H1, sinh năm 1984, *(có mặt);*

23. Bà Phan Thị T2, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Số 25, Tổ 3, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, *(vắng mặt);*

24. Cụ Nguyễn Thị R1, sinh năm 1940; địa chỉ: Ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị R1 (theo Giấy ủy quyền ngày 03/9/2019): Ông Phạm Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố NA, phường NS, thành phố TN, *(có mặt).*

25. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T3 – Tổng giám đốc; địa chỉ: Số 442 NTMK, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 18/11/2021): Ông Nguyễn Hoàng Vũ Th3 - Nhân viên Ngân hàng; địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A. Tower, 444A-446 đường CMTT, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt).*

- *Người kháng cáo*:

+ Nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y;

+ Ông Phạm Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị M;

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Kim V, bà Võ Thị R, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn Th, bà Huỳnh Thị Ng, bà Huỳnh Thị Ng1, bà Trần Thị Ch1, bà Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), bà Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim Th1 và ông Huỳnh Minh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 13/3/2019, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 03/11/2020 và quá trình tham gia tố tụng, ông Huỳnh Minh Y trình bày:

Cha mẹ đẻ của ông Huỳnh Minh Y là cụ Huỳnh Văn Th4 chết năm 2005, cụ Lê Thị T4 chết năm 1983, có 05 người con chung gồm:

1. Ông Huỳnh Văn H2 (chết năm 2002), có vợ tên Võ Thị R và 04 người con chung gồm có: anh Huỳnh Văn Ch, anh Huỳnh Văn Th, chị Huỳnh Thị Ng, chị Huỳnh Thị Ng1.

2. Ông Huỳnh Văn H3 (chết năm 2010), có vợ tên Trần Thị Ch1 và 06 người con chung gồm có: Chị Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), chị Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), chị Huỳnh Thị Kim A, chị Huỳnh Thị Kim Th1, anh Huỳnh Minh L, anh Huỳnh Minh Ph.

3. Ông Huỳnh Minh Y (nguyên đơn).

4. Bà Huỳnh Thị Kim B (chết năm 1983), có chồng tên Nguyễn Văn S và 01 người con chung tên Nguyễn Thái Ph1.

5. Bà Huỳnh Thị Kim V.

Sau khi cụ Lê Thị T4 chết, cụ Huỳnh Văn Th4 chung sống với cụ Nguyễn Thị R1 và có 01 người con chung tên Huỳnh Thị M (bị đơn).

Quá trình chung sống, cụ Lê Thị T4 và cụ Huỳnh Văn Th4 đã tạo lập phần đất tọa lạc tại ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; đất có tứ cận: Đông giáp ông T5; Tây giáp ông H4; Nam giáp đường xe bò; Bắc giáp ông Th5. Năm 1967, cụ T4 và cụ Th4 đã phân chia đất cho anh em ruột của ông Huỳnh Minh Y; mỗi người 1 phần, cụ thể:

1- Huỳnh Văn H2 50 cao ruộng, 25 cao đất trống;

2- Huỳnh Văn H3 50 cao ruộng, 25 cao đất trống;

3- Huỳnh Minh Y 50 cao ruộng, 25 cao đất trống;

4- Huỳnh Thị Kim B 25 cao ruộng;

5- Huỳnh Thị Kim V 25 cao ruộng.

Cụ Lê Thị T4 và cụ Huỳnh Văn Th4 còn lại 1 phần đất, trên đất có 1 căn nhà ngói, cụ T4 và cụ Th4 tiếp tục sử dụng; sau khi cụ Lê Thị T4 chết, cụ Huỳnh Văn Th4 và cụ Nguyễn Thị R1 cùng bà Huỳnh Thị M tiếp tục sử dụng; sau đó cụ Th4, cụ R1 dựng 1 căn nhà thiết nằm kế bên căn nhà ngói cùng chung sống. Nhà ngói hiện nay không còn, ông Y không tranh chấp, nhà thiết cụ R1 đã dỡ. Trên đất có phần mộ của ông Huỳnh Văn H2.

Phần diện tích đất của cụ Lê Thị T4 và cụ Huỳnh Văn Th4 để lại, hiện nay đang tranh chấp, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00258/358/2005/QĐ-UBND(HL), Thửa đất 23, Tờ bản đồ số 25, diện tích 1.566,0m^2 (theo Bản đồ lưới thuộc Thửa đất 10, TBĐ số 35) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00259/358/2005/QĐ-UBND (HL), Thửa đất 29, Tờ bản đồ số 25, diện tích 1.183,0m^2 (theo Bản đồ lưới thuộc Thửa đất 16, TBĐ số 35, diện tích 1.059,3m^2), tổng diện tích 2.625,7m^2, do Ủy ban nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh cấp cùng ngày 17/3/2006 cho bà Huỳnh Thị M; đất này là di sản thừa kế của cha mẹ đẻ ông Huỳnh Minh Y để lại.

Ông Huỳnh Minh Y yêu cầu chia tổng diện tích 2.625,7m^2 đất thành 07 phần bằng nhau, cụ thể chia cho ông Huỳnh Văn H2 (vợ Võ Thị R và 04 người con), ông Huỳnh Văn H3 (vợ Trần Thị Ch1 và 06 người con), ông Huỳnh Minh Y, bà Huỳnh Thị Kim B (chồng Nguyễn Văn S và 01 người con), bà Huỳnh Thị Kim V, cụ Nguyễn Thị R1 và bà Huỳnh Thị M.

Ngày 03/11/2020, ông Huỳnh Minh Y có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông Y yêu cầu chia phần di sản của mẹ đẻ là cụ Lê Thị T4 có diện tích qua đo đạc là 1.329,6m^2 /2.659,2m^2 cho 5 anh em ruột của ông Y gồm có: ông Huỳnh Văn H2 (vợ Võ Thị R và 04 người con), ông Huỳnh Văn H3 (vợ Trần

Thị Ch1 và 06 người con), ông Huỳnh Minh Y, bà Huỳnh Thị Kim B (chồng Nguyễn Văn S và 01 người con) và bà Huỳnh Thị Kim V.

Phần di sản của cha đẻ là cụ Huỳnh Văn Th4 không tranh chấp và không có tranh chấp di sản nào khác.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị M có người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn T trình bày:

Cụ Nguyễn Thị R1 và cụ Huỳnh Văn Th4 chung sống không đăng ký kết hôn, có 01 con chung tên Huỳnh Thị M. Khi cụ R1 và cụ Th4 chung sống, cụ Th4 đã có phần đất ruộng thuộc Thửa đất 23, Tờ bản đồ số 25, diện tích 1.566,0m^2 và Thửa đất 29, Tờ bản đồ số 25, diện tích 1.183m^2 đất; đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17/3/2006. Năm 1989, cụ Huỳnh Văn Th4 đã cho bà Huỳnh Thị M hết đất này; vì trước đây cụ Th4 và cụ T4 đã chia đất cho các con xong, đây là tài sản riêng của cụ Huỳnh Văn Th4; cụ Th4 và cụ R1 chung sống nên tài sản được xác lập chung với cụ R1. Ngày 06/9/2018, bà Huỳnh Thị M đã bán hết diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.625,7m^2 cho vợ chồng ông Đoàn Quốc C và bà Nguyễn Thị S1.

Bà Huỳnh Thị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, được niêm yết tại địa phương đúng pháp luật. Tuy giá đất thống nhất trong hợp đồng số tiền 200.000.000 đồng, nhưng Cơ quan nhà nước đã xét duyệt và áp thuế theo giá thực tế. Việc bà M được cấp giấy đất không có hạn chế cá nhân người nước ngoài; nên bà M không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Y.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Huỳnh Thị Kim V, Huỳnh Văn Ch, Huỳnh Minh L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thái Ph1 trình bày với nội dung: Thống nhất ý kiến trình bày của ông Huỳnh Minh Y về huyết thống và xác định bà Huỳnh Thị M là con của cụ Huỳnh Văn Th4 và cụ Nguyễn Thị R1; xác định ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn H3 và bà Huỳnh Thị Kim B đã chết sau cụ Lê Thị T4.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị R1 trình bày: Thống nhất ý kiến của ông Phạm Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Ch trình bày: Thống nhất ý kiến của ông Huỳnh Minh Y; ông Ch có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị T4 cho cha đẻ của ông đã mất. Ông yêu cầu được nhận đất. Tất

cả những người ủy quyền cho ông cũng có yêu cầu chia di sản của cụ T4 và yêu cầu được chia đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh L trình bày:* Thống nhất với ý kiến của ông Huỳnh Minh Y. Ông L và những người ủy quyền cho ông cũng có yêu cầu chia di sản thừa kế của bà ngoại là cụ Lê Thị T4; yêu cầu được nhận đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S* (chồng của bà Bích) trình bày: Thống nhất ý kiến của ông Huỳnh Minh Y về huyết thống của cụ Huỳnh Văn Th4, cụ Lê Thị T4 và xác định di sản của cụ T4 và cụ Th4 để lại. Ông S có yêu cầu chia di sản của cụ T4; phần bà Bích được hưởng, ông không nhận giao cho ông Nguyễn Thái Ph1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái Ph1* trình bày: Ông Ph1 yêu cầu chia di sản của bà ngoại là cụ Lê Thị T4; ông yêu cầu được nhận đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim V trình bày:* Bà V yêu cầu chia di sản của mẹ đẻ là cụ Lê Thị T4 và yêu cầu được nhận đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 thống nhất trình bày:*

Ngày 06/9/2018, ông bà có mua của bà Huỳnh Thị M phần đất thuộc Thửa đất 29, Tờ bản đồ số 25, diện tích 1.183m^2 và phần đất thuộc Thửa đất 23, Tờ bản đồ số 25, diện tích 1.566m^2 (thay đổi theo Bản đồ lưới thuộc Thửa đất 10, diện tích 1.566,4m^2; Thửa đất 16, diện tích 1.059,3m^2; Tờ bản đồ số 35) tại ấp SC, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; đất đã có giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh cấp; giá mua 200.000.000 đồng, có hợp đồng chuyển nhượng lập tại Văn phòng Công chứng S.H, tỉnh Tây Ninh. Ông C và bà S1 đã bán cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh H1, bà Phan Thị T2; bán cho vợ chồng ông Lê Văn Nh, bà Nguyễn Thị Ph2; bán cho vợ chồng ông Vũ Minh T1, bà Lục Thị Th2; vợ chồng ông C còn lại phần đất thuộc Thửa đất 161 và Thửa đất 162, hiện nay ông C và bà S1 đang quản lý, không thế chấp cho cá nhân hay tổ chức nào. Do đó, ông C và bà S1 không đồng ý yêu cầu của ông Huỳnh Minh Y. Nếu Tòa án giải quyết vụ án có ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông C, bà S1 thì vợ chồng ông bà sẽ khởi kiện bà M vụ án khác, không tranh chấp trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh H1, bà Phan Thị T2 thống nhất trình bày:*

Ngày 06/10/2018, vợ chồng ông H1, bà T2 có mua của ông Đoàn Quốc C và bà Nguyễn Thị S1 diện tích 578,8m^2, thuộc Thửa đất 158, Tờ bản đồ số 35; diện tích 389,2m^2, thuộc Thửa đất 159, Tờ bản đồ số 35; tại ấp SC, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh với số tiền 1.875.000.000 đồng, có hợp đồng chuyển nhượng công chứng tại Văn phòng Công chứng S.H tỉnh Tây Ninh. Ngày 25/10/2018, ông bà được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 10/7/2019, ông bà đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP A.C, nhưng đến ngày 18/10/2020 đã trả nợ xong cho ngân hàng; hiện nay ông bà không thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp, ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Y. Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; ông bà không tranh chấp.

Tại phiên tòa ngày 31/3/2021, ông H1 trình bày đất tranh chấp hiện nay đang tiếp tục thế chấp tại Ngân hàng TMCP A.C vào ngày 02/02/2021.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị Ph2 thống nhất trình bày:*

Vợ chồng ông Nh và bà Ph2 có mua của ông Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 diện tích 391,6m^2 đất tại ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh với số tiền 1.200.000.000 đồng, có công chứng tại Văn phòng Công chứng S.H tỉnh Tây Ninh; giá trên hợp đồng công chứng 100.000.000 đồng. Năm 2018, ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất 160, Tờ bản đồ số 35, ông bà đang quản lý, chưa sử dụng, không thế chấp cho cá nhân hay tổ chức nào. Việc mua bán hợp pháp, ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Y. Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; ông bà không tranh chấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Minh T1 và bà Lục Thị Th2 thống nhất trình bày:* Vợ chồng ông T1, bà Th2 có mua của ông Đoàn Quốc C và bà Nguyễn Thị S1 2 phần đất tại ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh số tiền 2.400.000.000 đồng, có công chứng tại Văn phòng Công chứng S.H tỉnh Tây Ninh; giá ghi trên hợp đồng số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 25/10/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất 157, 158, Tờ bản đồ số 35, tổng diện tích 768,3m^2 đất; ông bà đang quản lý, chưa sử dụng, hiện nay không thế chấp cho cá nhân hoặc tổ chức nào. Việc mua bán hợp pháp, ông bà không đồng ý yêu cầu của ông Huỳnh Minh Y. Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; ông bà không tranh chấp.

Tại phiên tòa ngày 31/3/2021, ông T1 trình bày tài sản đang tranh chấp vợ chồng ông đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP A.C vào ngày 02/3/2021, ông bà không có ý kiến đối với Hợp đồng thế chấp giữa ông bà và Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP A.C có Công văn số: 1685/CV-QLN.21 ngày 13/5/2021 và có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Đối với Thửa đất 426, Tờ bản đồ số 29, diện tích đất 136m^2; địa chỉ: Khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh không phải tài sản tranh chấp trong vụ án. Thửa đất 156, 157, Tờ bản đồ số 35, tổng diện tích đất 768,3m^2; địa chỉ: ấp SC, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Minh T1 và bà Lục Thị Th2, đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TBA.BĐCN.304.260221, công chứng tại Phòng Công chứng S.H tỉnh Tây Ninh, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh thành phố TN vào ngày 02/3/2021. Việc thế chấp đúng theo điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 của Luật Đất đai; các Điều 9, 10, 11 của Nghị định số: 8019/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 văn bản hợp nhất về giao dịch bảo đảm. Do đó, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ngân hàng. Tại phiên tòa ngày 25/11/2021, đại diện ngân hàng trình bày Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông T1, bà Th2 và ngân hàng đã được tất toán thanh lý xong vào ngày 25/11/2021, xác định hiện nay ông T1, bà Th2 không còn thế chấp tài sản đang tranh chấp tại ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 25/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Y đối với bà Huỳnh Thị M về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*".

2. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị T4 có giá trị 4.560.400.000 đồng cho 6 phần thừa kế, mỗi phần thừa kế trị giá 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, gồm:

2.1. Bà Huỳnh Thị M được hưởng phần thừa kế của cụ Huỳnh Văn Th4 theo Tờ phân chia ruộng đất lập ngày 13/8/1989 với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng; ghi nhận bà Huỳnh Thị M đã nhận.

2.2. Các ông, bà Võ Thị R, Huỳnh Văn Ch, Huỳnh Văn Th, Huỳnh Thị Ng, Huỳnh Thị Ng1 được hưởng thừa kế của ông Huỳnh Văn H2 với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2.3. Các ông, bà Trần Thị Ch1, Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim Th1, Huỳnh Minh L, Huỳnh Minh Ph được hưởng với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2.4. Ông Huỳnh Minh Y được hưởng thừa kế của cụ Lê Thị T4 với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2.5. Ông Nguyễn Thái Ph1 được hưởng thừa kế của bà Huỳnh Thị Kim B với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2.6. Bà Huỳnh Thị Kim V được hưởng thừa kế của cụ Lê Thị T4 với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3. Di sản thừa kế được chia không còn, bà Huỳnh Thị M đã bán, nên buộc bà M có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế, mỗi đồng thừa kế số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, cụ thể:

3.1 Ông Huỳnh Minh Y số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3.2 Bà Huỳnh Thị Kim V số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3.3. Các ông, bà Võ Thị R, Huỳnh Văn Ch, Huỳnh Văn Th, Huỳnh Thị Ng, Huỳnh Thị Ng1 số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3.4. Các ông, bà Trần Thị Ch1, Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim Th1, Huỳnh Minh L, Huỳnh Minh Ph số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3.5. Ông Nguyễn Thái Ph1 số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Y đối với yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Huỳnh Văn Th4.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/12/2021, ông Phạm Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị M có Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y.

Ngày 09/12/2021, nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Huỳnh Thị Kim V, bà Võ Thị R, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn Th, bà Huỳnh Thị Ng, bà Huỳnh Thị Ng1, bà Trần Thị Ch1, bà Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), bà Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim Th1 và ông Huỳnh Minh L có chung Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế bằng hiện vật là đất. Kiến nghị cơ quan điều tra, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi trốn thuế của bà Huỳnh Thị M, ông Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 và những người nhận chuyển nhượng đất của ông C, bà S1. *(sau đây gọi tắt là kháng cáo của các đương sự hoặc các đương sự có kháng cáo).*

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Luật sư Phạm Thanh Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y trình bày:

Phần diện tích đất 1.566m^2, Thửa 23 và phần diện tích đất 1.183m^2, Thửa 29, cùng Tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, là tài sản chung của cụ Huỳnh Văn Th4 và cụ Lê Thị T4. Cụ T4 chết không để lại di chúc, cụ Th4 tự ý lập Tờ tương phân ngày 13/8/1989 giao 02 phần diện tích đất này cho bà Huỳnh Thị M là vượt quá quyền tài sản đối với phần di sản của cụ T4. Qua đó cho thấy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là sai, không có giá trị pháp lý ngay từ đầu, cần phải hủy bỏ. Mặt khác, UBND huyện GD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M và sau đó cập nhật sang tên cho vợ chồng ông Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất giữa hai bên trong khi bà M là người nước ngoài, là không đúng thẩm quyền của UBND cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013. Qua đó cho thấy, việc cập nhật sang tên ông C, bà S1 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

giữa 02 bên bà M và ông C, bà S1 cũng là sai, cần phải hủy bỏ. Thêm nữa, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với ông C, bà S1 còn giả tạo về giá ghi trong hợp đồng thấp hơn nhiều lần so với giá mua bán thực tế; trên đất còn có mộ của ông Huỳnh Văn H2 và tài sản của ông Huỳnh Minh Y tạo lập như cống thoát nước và đổ đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét.

Trước khi ông Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho những người khác, ngày 17/9/2018 ông C đã có đơn kiến nghị đến UBND xã PĐ vì đất có tranh chấp; sau đó, ngày 25/9/2018, ông Huỳnh Minh Y đã nộp đơn khiếu nại, đơn ngăn chặn đến Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện GD. Thế nhưng, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện GD vẫn thực hiện thủ tục tách thửa để ông C, bà S1 chuyển nhượng cho nhiều người khác là vi phạm pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 và những người đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông C, bà S1 như trên là sai, do không ngay tình.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ thanh toán tiền theo giá trị cho các thừa kế cũng là không hợp lý. Vì bà M là người nước ngoài, thủ tục thi hành án đối với người nước ngoài chỉ thực hiện được trên lý thuyết, còn thực tế là không thể thực hiện.

Với các lý do nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế bằng hiện vật là đất. Kiến nghị cơ quan điều tra, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi trốn thuế của bà Huỳnh Thị M, ông Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 và những người nhận chuyển nhượng đất của ông C, bà S1.

Bị đơn bà Huỳnh Thị M có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn T trình bày:

Phần diện tích đất 1.183m^2, Thửa 29 và phần diện tích đất 1.566m^2, Thửa 23 cùng Tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, đều do cha của bà Huỳnh Thị M là cụ Huỳnh Văn Th4 trước khi chết đã lập Tờ phân chia ruộng đất để lại cho bà M và bà M đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, bà M cũng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác và cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M trả lại phân nửa diện tích đất theo giá trị hiện nay là không công bằng cho bà M. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của các đương sự:

Mặc dù bà Huỳnh Thị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.566m^2, Thửa 23 và diện tích đất 1.183m^2, Thửa 29, cùng Tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, là theo Tờ phân chia ruộng đất ngày 13/8/1989 của cụ Huỳnh Văn Th4; Nhưng diện tích 02 thửa đất nêu trên là tài sản chung của cụ Huỳnh Văn Th4 và cụ Lê Thị T4. Cụ T4 chết không để lại di chúc, cụ Th4 lập Tờ phân chia ruộng đất cho bà M, không có ý kiến của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn lại của cụ T4, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong đó có 1.329,6m^2 đất, đã được thẩm định giá có giá trị 4.560.400.000 đồng, là di sản của cụ T4, là đúng. Do bà M đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 2.659,2m^2 là di sản của cụ Th4 và cụ T4 cho ông C và bà S1; sau đó, ông C, bà S1 tiếp tục chuyển nhượng lại cho nhiều người khác. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản của cụ Lê Thị T4 bằng tiền theo giá trị đã được thẩm định giá cho 6 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T4, mỗi người được hưởng 760.006.666 đồng và buộc bà M phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho các đồng thừa kế khác, là có cơ sở. Vì vậy, đề ghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị M (do ông Phạm Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà M thực hiện) và Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y, cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim V, bà Võ Thị R, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn Th, bà Huỳnh Thị Ng, bà Huỳnh Thị Ng1, bà Trần Thị Ch1, bà Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), bà Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim Th1, ông Huỳnh Minh L nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo gồm bà Võ Thị R, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn Th, bà

Huỳnh Thị Ng, bà Huỳnh Thị Ng1, bà Trần Thị Ch1, bà Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), bà Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim Th1, ông Huỳnh Minh L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày và tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở nhận định;

[1] *Về tố tụng:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung yêu cầu kháng cáo của các đương sự; Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[2.1] Về di sản của cụ Lê Thị T4;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định phần diện tích đất 1.566m^2, Thửa số 23 và phần diện tích đất 1.183m^2, Thửa 29, cùng Tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, là tài sản chung của cụ Huỳnh Văn Th4 và cụ Lê Thị T4. Cụ T4 chết không để lại di chúc, cụ Th4 lập Tờ phân chia ruộng đất ngày 13/8/1989 giao 02 phần diện tích đất này cho bà Huỳnh Thị M, không có ý kiến của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn lại của cụ T4, là đã định đoạt cả phần di sản của cụ T4. Tòa án cấp sơ thẩm xác định một nửa diện tích đất trong 02 thửa đất nêu trên, theo đo đạc thực tế là 1.329,6m^2 đất, đã được thẩm định giá có giá trị 4.560.400.000 đồng, là di sản của cụ Lê Thị T4, là đúng.

Qua đó nhận thấy, kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị M cho rằng, cụ Huỳnh Văn Th4 đã lập Tờ phân chia ruộng đất ngày 13/8/1989 để lại ruộng đất cho bà M và bà M đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật, nên diện tích đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của riêng bà M, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Y, là không có cơ sở.

[2.2] Về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị T4;

[2.2.1] Cụ Lê Thị T4 và cụ Huỳnh Văn Th4 có 05 người con chung, gồm: Ông Huỳnh Minh Y; bà Huỳnh Thị Kim V; ông Huỳnh Văn H2 qua đời năm 2002, có vợ là bà Võ Thị R và có 04 người con là Huỳnh Văn Ch, Huỳnh Văn Th, Huỳnh Thị Ng và Huỳnh Thị Ng1; ông Huỳnh Văn H3 qua đời năm 2010, có vợ là bà Trần Thị Ch1 và có 06 người con gồm: Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim Th1, Huỳnh Minh L và Huỳnh Minh Ph; bà Huỳnh Thị Kim B qua đời năm 1983, có chồng là ông Nguyễn Văn S và có 01 người con là Nguyễn Thái Ph1.

Do thời điểm mở thừa kế cụ Lê Thị T4 mất năm 1983, cụ Huỳnh Văn Th4 còn sống, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ Th4 được hưởng thừa kế theo pháp luật 1 phần di sản của cụ Lê Thị T4, là đúng. Theo đó, di sản của cụ Lê Thị T4 được Tòa án cấp sơ thẩm chia đều 6 phần cho 6 người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T4 (cụ Huỳnh Văn Th4 và 05 người con của cụ T4 và cụ Th4 nêu trên), cụ thể: Di sản của cụ Lê Thị T4 có giá trị 4.560.400.000 đồng được chia 6 phần: 4.560.400.000 : 6 = 760.006.666 đồng, mỗi phần thừa kế được hưởng số tiền 760.006.666 đồng. Căn cứ Tờ phân chia ruộng đất của cụ Huỳnh Văn Th4 lập ngày 13/8/1989 thể hiện ý chí tài sản của cụ Th4 để cho chị Huỳnh Thị M; do đó, phần di sản cụ Th4 được hưởng của cụ T4 sẽ chuyển tiếp cho chị Huỳnh Thị M.

[2.2.2] *Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y chia thừa kế theo pháp luật bằng hiện vật đối với di sản của cụ Lê Thị T4 là quyền sử dụng 1.329,6m^2 đất, mà chia theo giá trị theo kết quả thẩm định giá là 4.560.400.000 đồng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:*

[2.2.2a] Di sản của cụ Huỳnh Văn Th4 và cụ Lê Thị T4 là tổng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 2.659,2m^2 tọa lạc tại ấp SC, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Trong đó, theo bản đồ lưới, Thửa đất 16, Tờ bản đồ số 35, diện tích 1.059,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ420759 sổ vào sổ cấp GCN: 00259/358/2005 QĐ-UBND(HL) và Thửa đất 10, Tờ bản đồ số 35, diện tích 1.566,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ420758 sổ vào sổ cấp GCN: 00258/358/2005/QĐ-UBND(HL) do Ủy ban nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh cấp cùng ngày 17/3/2006 đứng tên bà Huỳnh Thị M.

Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị M đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 2.659,2m^2 nêu trên cho vợ chồng ông Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 06/9/2018 tại Phòng

Công chứng S.H tỉnh Tây Ninh. Sau đó, ông C và bà S1 tiếp tục chuyển nhượng lại cho nhiều người, cụ thể:

+ Ngày 06/10/2018, ông C và bà S1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Vũ Minh T1, bà Lục Thị Th2 2 phần đất; theo đó, ông T1 và bà Th2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CP351563, sổ vào sổ cấp GCN: CS04783, Thửa 156, Tờ bản đồ số 35, diện tích 385,9m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP351541, sổ vào sổ cấp GCN: CS04782, Thửa 157, Tờ bản đồ số 35, diện tích 382,4m^2.

+ Ngày 06/10/2018, ông C và bà S1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh H1, bà Phan Thị T2; theo đó, ngày 25/10/2018 ông H1 và bà T2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Thửa 158, Tờ bản đồ số 35, diện tích 578,8m^2 và Thửa 159, Tờ bản đồ số 35, diện tích 389,2m^2.

+ Ngày 06/10/2018, ông C và bà S1 chuyển nhượng cho ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị Ph2; theo đó, ngày 25/10/2018 ông Nh và bà Ph2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Thửa 160, Tờ bản đồ số 35, diện tích 391,6 m^2.

+ Diện tích đất còn lại, ông C và bà S1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các Thửa 161, 162.

[2.2.2b] Tại Đơn kháng cáo của các đương sự và quan điểm của Luật sư trình bày tại phiên tòa phúc thẩm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y cho rằng, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M và việc cập nhật sang tên cho ông C, bà S1 là sai, không có giá trị pháp lý ngay từ đầu, cần phải hủy bỏ. Đất đang có tranh chấp nhưng Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện GD vẫn thực hiện thủ tục tách thửa, cập nhật biến động từ ông C, bà S1 cho những người khác như trên là vi phạm pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 và những người đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông C, bà S1 là sai, do không ngay tình. Về những nội dung, vấn đề này Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;

Mặc dù ông Huỳnh Minh Y biết việc Ủy ban nhân dân huyện GD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị M toàn bộ diện tích đất là di sản của cụ Huỳnh Văn Th4 và cụ Lê Thị T4 nhưng ông Y và các đương sự có liên quan không khiếu nại, khiếu kiện. Bà Huỳnh Thị M chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông

Đoàn Quốc C, bà Nguyễn Thị S1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 06/9/2018 tại Phòng Công chứng S.H tỉnh Tây Ninh. Sau đó, ông C và bà S1 tiếp tục chuyển nhượng lại cho nhiều người theo các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng. Theo đó, các đương sự nhận chuyển nhượng đất đã được cập nhật sang tên hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông Y và các đương sự có liên quan cũng không khởi kiện yêu cầu Tòa án thụ lý vụ án dân sự giải quyết tranh chấp đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nêu trên.

Hơn nữa, trong vụ án này, ông Huỳnh Minh Y khởi kiện yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật di sản của cụ Lê Thị T4 là 1.329,6m^2 đất nằm trong diện tích đất bà Huỳnh Thị M đã được Ủy ban nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/2006 và bà M đã lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng ông C, bà S1. Sau đó, ông C và bà S1 tiếp tục chuyển nhượng lại cho nhiều người theo các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng và họ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông Huỳnh Minh Y và các đương sự có liên quan cũng không có yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu và/hoặc hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với diện tích đất 1.329,6m^2 là di sản của cụ Lê Thị T4, nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết; theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem xét việc ông Huỳnh Minh Y cho rằng trên đất có mộ của ông Huỳnh Văn H2 và tài sản của ông Y tạo lập như cống thoát nước và đổ đất, là đúng quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Qua đó nhận thấy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà bà Huỳnh Thị M và ông C, bà S1 lập ngày 06/9/2018 tại Phòng Công chứng S.H tỉnh Tây Ninh, cùng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C, bà S1 và những người khác đến nay không có tranh chấp, nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các đương sự này là hợp pháp; nguyên đơn và đồng thừa kế có yêu cầu được nhận đất là không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này, là có căn cứ.

[2.2.2c] Di sản của cụ Lê Thị T4 là 1.329,6m^2 đất do bà Huỳnh Thị M đã bán, quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất này không còn, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế theo pháp luật của cụ T4 theo kết quả đã thẩm định giá đối với diện tích đất này với tổng giá trị 4.560.400.000 đồng, cụ thể bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế theo pháp luật của cụ T4 gồm: ông Huỳnh Văn H2 (thừa kế là các ông, bà Võ Thị R, Huỳnh Văn Ch, Huỳnh Văn Th, Huỳnh Thị Ng và Huỳnh Thị Ng1), ông Huỳnh Văn H3 (thừa kế là các ông, bà Trần Thị Ch1, Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị

Kim Th1, Huỳnh Minh L, Huỳnh Minh Ph), ông Huỳnh Minh Y, bà Huỳnh Thị Kim B (thừa kế là ông Nguyễn Thái Ph1), bà Huỳnh Thị Kim V; mỗi phần thừa kế bà M phải thanh toán số tiền 760.006.666 đồng, là đúng.

[2.2.3] Tại Đơn kháng cáo của các đương sự và quan điểm của Luật sư trình bày tại phiên tòa phúc thẩm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y còn cho rằng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với ông C, bà S1 ghi giá thấp hơn nhiều lần so với giá thực tế hai bên chuyển nhượng, nên đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan điều tra, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi trốn thuế của bà M, ông C, bà S1 và những người nhận chuyển nhượng đất của ông C, bà S1. Về vấn đề này, như đã nhận định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà bà Huỳnh Thị M và ông C, bà S1 lập ngày 06/9/2018 tại Phòng Công chứng S.H tỉnh Tây Ninh, cùng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C, bà S1 và những người khác đến nay không có tranh chấp, đang tồn tại hợp pháp, nên đề nghị này không có cơ sở.

[2.2.4] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y cho rằng, bà M là người nước ngoài, thủ tục thi hành án đối với người nước ngoài chỉ thực hiện được trên lý thuyết, còn thực tế là không thể thực hiện. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quan điểm này là không có cơ sở.

[3] Từ những nhận định nêu trên xét thấy, do kháng cáo của các đương sự là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư trình bày tại phiên tòa phúc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y do không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm;

+ Miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự gồm bà Trần Thị Ch1, bà Võ Thị R và ông Huỳnh Minh Y do là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Bị đơn bà Huỳnh Thị M; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Kim V, bà Võ Thị R, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn

Th, bà Huỳnh Thị Ng, bà Huỳnh Thị Ng1, bà Trần Thị Ch1, bà Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), bà Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim Th1 và ông Huỳnh Minh L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Minh Y; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị M (do ông Phạm Văn T là người đại diện theo ủy quyền thực hiện); không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim V, bà Võ Thị R, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn Th, bà Huỳnh Thị Ng, bà Huỳnh Thị Ng1, bà Trần Thị Ch1, bà Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), bà Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim Th1 và ông Huỳnh Minh L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 12, 25, 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Y đối với bà Huỳnh Thị M về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*".

2. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị T4 có giá trị 4.560.400.000 đồng cho 6 phần thừa kế, mỗi phần thừa kế trị giá 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, gồm:

2.1. Bà Huỳnh Thị M được hưởng phần thừa kế của cụ Huỳnh Văn Th4 theo Tờ phân chia ruộng đất lập ngày 13-8-1989 với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng (bà Huỳnh Thị M đã nhận).

2.2. Các ông, bà Võ Thị R, Huỳnh Văn Ch, Huỳnh Văn Th, Huỳnh Thị Ng, Huỳnh Thị Ng1 được hưởng phần thừa kế của ông Huỳnh Văn H2 với số

tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2.3. Các ông, bà Trần Thị Ch1, Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim Th1, Huỳnh Minh L, anh Huỳnh Minh Ph được hưởng phần thừa kế của ông Huỳnh Văn H3 với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2.4 Ông Huỳnh Minh Y được hưởng phần thừa kế của cụ Lê Thị T4 với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2.5. Ông Nguyễn Thái Ph1 được hưởng phần thừa kế của bà Huỳnh Thị Kim B với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2.6. Bà Huỳnh Thị Kim V được hưởng phần thừa kế của cụ Lê Thị T4 với số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3. Di sản thừa kế của cụ Lê Thị T4 bà Huỳnh Thị M đã bán, nên buộc bà M có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế, mỗi đồng thừa kế số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, cụ thể:

3.1 Ông Huỳnh Minh Y số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3.2 Bà Huỳnh Thị Kim V số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3.3. Các ông, bà Võ Thị R, Huỳnh Văn Ch, Huỳnh Văn Th, Huỳnh Thị Ng và Huỳnh Thị Ng1 số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3.4. Các ông, bà Trần Thị Ch1, Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim Th1, Huỳnh Minh L và Huỳnh Minh Ph số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3.5. Ông Nguyễn Thái Ph1 số tiền 760.006.666 (bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Y đối với yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Huỳnh Văn Th4.

5. Về chi phí tố tụng:

5.1. Ông Huỳnh Minh Y phải chịu số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng, ghi nhận đã nộp.

5.2. Bà Huỳnh Thị Kim V phải chịu số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng. Bà Vân có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Minh Y số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng.

5.3. Các ông, bà Võ Thị R, Huỳnh Văn Ch, Huỳnh Văn Th, Huỳnh Thị Ng, Huỳnh Thị Ng1 chịu tổng số số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng, nên có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Minh Y số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng.

5.4. Các ông, bà Trần Thị Ch1, Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim Th1, Huỳnh Minh L, Huỳnh Minh Ph chịu tổng số số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng, nên có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Minh Y số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng.

5.5. Ông Nguyễn Thái Ph1 phải chịu số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng. Ông Phong có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Minh Y số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng.

5.6. Bà Huỳnh Thị M phải chịu số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng. Bà M có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Minh Y số tiền 3.166.600 (ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Ông Huỳnh Minh Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Bà Huỳnh Thị Kim V phải chịu số tiền 34.400.266 (ba mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn, hai trăm sáu mươi sáu) đồng.

6.3. Bà Võ Thị R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn Th, bà Huỳnh Thị Ng và bà Huỳnh Thị Ng1 chịu án phí chung số tiền 34.400.266 (ba mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn, hai trăm sáu mươi sáu) đồng, cụ thể mỗi người phải chịu số tiền 8.600.066 (tám triệu, sáu trăm ngàn, không trăm sáu mươi sáu) đồng.

6.4. Bà Trần Thị Ch1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông, bà Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H), Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1), Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim Th1, Huỳnh Minh L, Huỳnh Minh Ph chịu án phí chung số tiền 34.400.266 (ba mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn, hai trăm sáu mươi sáu) đồng, cụ thể mỗi người phải chịu số tiền 5.733.377 (năm triệu, bảy trăm, ba mươi ba ngàn, ba trăm, bảy mươi bảy) đồng.

6.5. Ông Nguyễn Thái Ph1 phải chịu số tiền 34.400.266 (ba mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn, hai trăm sáu mươi sáu) đồng,

6.6. Bà Huỳnh Thị M phải chịu số tiền 34.400.266 (ba mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn, hai trăm sáu mươi sáu) đồng.

2- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự gồm bà Trần Thị Ch1, bà Võ Thị R và ông Huỳnh Minh Y;

+ Bị đơn bà Huỳnh Thị M phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Nguyễn Minh H5 nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000077 ngày 28/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim V phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Minh L nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000073 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Ch phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Minh L nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000064 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ông Ch đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Th phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Minh L nộp thay) theo Biên lai thu số:

0000065 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ông Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ng phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Minh L nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000066 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà Ng đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ng1 phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Minh L nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000067 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà Ng1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H (Huỳnh Thị Kim H) phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Minh L nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000068 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Y1 (Huỳnh Thị Kim Y1) phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Minh L nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000069 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà Y1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Minh L nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000070 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim Th1 phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Minh L nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000071 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà Th1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh L phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0000072 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ông L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 22 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, NTHN (38b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh